

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ – ST

Ngày: 23-4-2019

V/v: Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: ông Trịnh Viết Dược, Thư ký Tòa án ND TP. Biên Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2650/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Thị Quyền D, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: 379/8, đường Tr, phường 10, quận V, TP. Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* ông Tăng Văn H, sinh năm: 1958;

Địa chỉ: 232, tổ 12, khu phố 2, phường Đ, TP. H, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải – Nguyên đơn là bà Lê Thị Quyền D trình bày:

Bà và ông Tăng Văn H xây dựng gia đình vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, đến cuối năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và kéo dài cho đến nay. Do đó bà đề nghị Tòa án xem xét cho bà được ly hôn với ông H vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nữa.

+ Về con chung: có 01 (một) cháu là Tăng Lê Thiên Tr, sinh ngày: 22/10/2008. Nếu ly hôn thì bà yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr và bà không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: không có.

+ Về nợ chung: không có.

- *Tại bản tự khai và biên bản hòa giải – Bị đơn là ông Tăng Văn H trình bày:*

Ông và bà Lê Thị Quyền D xây dựng gia đình vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống đến ngày 26/10/2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do bất đồng về quan điểm sống, hai ông bà cũng đã sống ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Ông cũng xác định là tình cảm vợ chồng không còn, nhưng do ông đang khởi kiện yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật giữa bà D và ông Phan Văn D1 tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh nên hiện tại ông không đồng ý ly hôn với bà D.

+ Về con chung: có 01 (một) cháu là Tăng Lê Thiên Tr, sinh ngày: 22/10/2008. Nếu ly hôn thì ông đồng ý giao cháu Tr lại cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tạm thời ông sẽ không cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung: không có.

+ Về nợ chung: không có.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*

+ Về thủ tục tố tụng của vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; người tham gia tố tụng dân sự đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị Quyền D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Đối với Nguyên đơn là bà Lê Thị Quyền D đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Bị đơn là ông Tăng Văn H đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên cần căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông H.

- Đối với yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án của ông H vì ông H cho rằng ông đang khởi kiện yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật tại Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh, xét thấy yêu cầu này của ông H không thuộc một trong những căn cứ để tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo khoản 1 Điều 214 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không được chấp nhận.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Quyền D và ông Tăng Văn H xây dựng gia đình vào năm 2006, có đăng ký kết hôn, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống theo bà D và ông H thì chỉ hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, đến năm 2010 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống và kéo dài cho đến nay. Tại các buổi làm việc tại Tòa án bà D và ông H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông H đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H.

[3]. Về quan hệ con chung: trong thời kỳ hôn nhân thì giữa bà D và ông H có 01 (một) con chung là cháu Tăng Lê Thiên Tr, sinh ngày: 22/10/2008. Bà D và ông H đều thống nhất quan điểm là sau khi ly hôn sẽ giao cháu Tr lại cho bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật nên cần được ghi nhận. Tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không có yêu cầu.

[4]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà D và ông H đều xác định là không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

[6]. Ý kiến phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 214, khoản 1 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

- + Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Lê Thị Quyền D.
- + Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị Quyền D được ly hôn ông Tăng Văn H.
- + Về quan hệ con chung: giao cháu Tăng Lê Thiên Tr, sinh ngày: 22/10/2008 cho bà Lê Thị Quyền D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời ông Tăng Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Quyền D không có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

- + Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị Quyền D và ông Tăng Văn H đều xác định là không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Lê Thị Quyền D phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) (đã nộp tại Biên lai số 07270 ngày 20 tháng 01 năm 2011 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh).

+ Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được Bản án sơ thẩm hoặc kể từ ngày Bản án sơ thẩm được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Tân